

NHỮNG KẾT QUẢ TRONG HỖ TRỢ ỨNG DỤNG VÀ CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KH&CN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN VÀ MIỀN NÚI Ở TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN 2001-2015

NGUYỄN DIÊN AN

Trưởng phòng Quản lý Khoa học

Phát triển nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Trong những năm qua, thông qua việc thực hiện các dự án thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi (Chương trình Nông thôn miền núi), vai trò của KH&CN ngày càng được nâng cao thể hiện trong việc chuyển tải những thông tin KH&CN đến với người dân, thông qua việc ứng dụng các tiến bộ KH&CN, các kết quả nghiên cứu có hiệu quả vào sản xuất và đời sống làm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi; Tăng hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập cho người lao động, thể hiện mối liên kết có hiệu quả giữa 4 nhà: nhà khoa học - nhà nông - nhà quản lý - doanh nghiệp.

Thời gian qua, được sự quan tâm của Bộ KH&CN, giai đoạn từ năm 2001 đến năm 2015 tỉnh Quảng Bình đã tham gia triển khai thực hiện 8 dự án, trong đó có 4 dự án do Trung ương quản lý và 4 dự án ủy quyền địa phương quản lý. Nhìn chung các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi được lựa chọn thực hiện đều nằm trong những định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phù hợp với chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh đến năm 2020 và phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.



Dự án sản xuất giống hoa và hoa thương phẩm Ảnh: TL

1. Các dự án được triển khai ở tỉnh Quảng Bình trong giai đoạn 2001-2015

Giai đoạn 2001-2002 triển khai thực hiện dự án “Xây dựng mô hình nuôi ong công nghiệp ở vùng miền núi huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình”.

Giai đoạn 2004-2010 có 3 dự án được triển khai, đó là dự án “Xây dựng mô hình sản xuất và sử dụng phân nén hữu cơ, hữu cơ - vô cơ bằng công nghệ sinh học ở quy mô cộng đồng thôn, xã phục vụ sản xuất nông nghiệp tại huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình”; dự án “Ứng dụng công nghệ mô hom trong sản xuất giống cây lâm nghiệp cao sản phục vụ phát triển trồng rừng tại Quảng Bình” và dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất giống hoa và hoa thương phẩm chất lượng cao tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình”.

Giai đoạn 2011-2015 có 4 dự án được triển

khai, đó là dự án “Mô hình ứng dụng công nghệ sử dụng năng lượng mặt trời vào một số xã đặc biệt khó khăn tại Quảng Bình”; dự án “Xây dựng mô hình phát triển sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá đối mục tại tỉnh Quảng Bình”; dự án “Xây dựng mô hình sản xuất các loại giống nấm, nấm thương phẩm và chế biến nấm ở quy mô công nghiệp tại Quảng Bình”; dự án “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình phát triển kinh tế khu định canh định cư của đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều và dân tộc Chứt ở tỉnh Quảng Bình”.

2. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án

Các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2001-2015 cơ bản thực hiện theo đúng mục tiêu và nội dung chương trình theo Quyết định số 122/2004/QĐ-TTg ngày 05/7/2004 và Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi đã thực hiện được mục tiêu và nội dung đặt ra, kết quả đã có những đóng góp tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Nhiều mô hình đã được duy trì và phát triển rộng rãi trong sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao, trở thành tập quán sản xuất của nhân dân ở địa bàn thực hiện dự án.

Các dự án của Chương trình đã thực sự tạo được điểm sáng về ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực trên địa bàn thực hiện dự án, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, từng bước hình thành thị trường công nghệ ở nông thôn, tạo đà cho việc ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi. Kết quả Chương trình đã được duy trì và nhân rộng, làm tiền đề cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác của địa phương, nâng cao hiểu

biết, niềm tin và ý thức của người dân trong việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Chương trình đã góp phần cùng với các chương trình Khuyến nông, Khuyến ngư phát triển các sản phẩm hàng hóa có lợi thế của các vùng, hình thành và phát triển ngành nghề nông thôn ở địa phương như sản xuất giống cây lâm nghiệp, nuôi ong lấy mật, chế biến phân bón từ rác thải sinh hoạt, trồng hoa thương phẩm, sản xuất giống cá đối mục..., tạo việc làm và tăng thu nhập cho hàng triệu lao động ở khu vực nông thôn, miền núi.

Một số dự án thuộc Chương trình thực hiện có hiệu quả như dự án “Xây dựng mô hình phát triển sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá đối mục tại tỉnh Quảng Bình” đã tiếp nhận và triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong việc nâng cao tỷ lệ sản xuất giống cá đối mục và xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cung cấp loại cá có chất lượng cao ra thị trường. Dự án “Mô hình ứng dụng công nghệ sử dụng năng lượng mặt trời vào một số xã đặc biệt khó khăn tại Quảng Bình” đã chuyển giao và lắp đặt các hệ thống cung cấp nước nóng, điện sinh hoạt cho các trạm y tế, trường học và các hộ dân thuộc các vùng miền núi khó khăn chưa có điện lưới quốc gia. Dự án “Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình phát triển kinh tế khu định canh định cư của đồng bào dân tộc Bru - Vân Kiều và dân tộc Chứt ở tỉnh Quảng Bình”, đã xây dựng các mô hình chuyển giao công nghệ đạt được các yêu cầu về kỹ thuật, khẳng định được ở các vùng núi cao thuộc các xã thực hiện dự án đối tượng cây trồng, vật nuôi mới đều sinh trưởng, phát triển bình thường, cho năng suất và sản lượng cao không thua kém vùng đồng bằng. Tác động của các mô hình là rất lớn không những về kinh tế, tính thiết thực mà điều quan trọng là làm thay đổi nhận thức, phong tục tập quán sản xuất nông nghiệp lạc hậu kém hiệu quả, góp phần xóa đói giảm nghèo cho nhân dân địa phương có đông

đồng bào dân tộc thiểu số tại 2 huyện Minh Hóa và huyện Lệ Thủy nhằm góp phần ổn định đời sống kinh tế - xã hội và bảo vệ an ninh - quốc phòng vùng biên giới.

Có thể nói, các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi triển khai trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đã góp phần nâng cao trình độ nhận thức về sản xuất nông nghiệp theo phương thức công nghiệp, giúp doanh nghiệp và người dân nhanh chóng tiếp thu những tiến bộ KH&CN tiên tiến. Thông qua các dự án đã đào tạo và phát triển được nguồn nhân lực KH&CN và nông dân có trình độ để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn tại địa phương.

3. Những thuận lợi và tồn tại trong quá trình thực hiện

3.1. Những thuận lợi

Các dự án của Chương trình đã đưa các công nghệ mới ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực trên địa bàn thực hiện dự án, góp phần cải thiện đời sống nhân dân. Không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế, chương trình đã mang ý nghĩa xã hội tích cực, góp phần nâng cao niềm tin và ý thức của người dân trong việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

Chương trình góp phần nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất, dân trí và cải thiện đời sống người dân. Các dự án triển khai đã chuyển giao được các công nghệ về tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp cho các địa phương, cán bộ kỹ thuật và nông dân nắm được các quy trình kỹ thuật để tiến hành nhân rộng sau khi kết thúc dự án.

Công nghệ sử dụng trong các dự án Chương trình Nông thôn miền núi phù hợp với điều kiện vùng nông thôn, kỹ thuật phù hợp cho người nông dân áp dụng. Với việc chuyển giao, tiếp nhận các công nghệ sản xuất cây giống, vật nuôi đảm bảo chất lượng, các dự án đã tổ chức lưu giữ,

bảo quản giống gốc, sản xuất, cung cấp cây giống sạch bệnh cho các mô hình trồng để từ đó tạo điều kiện mở rộng các vùng sản xuất các sản phẩm có lợi thế, cho hiệu quả kinh tế cao.

3.2. Những tồn tại, hạn chế

Các dự án triển khai được đầy đủ các nội dung đề ra, xây dựng được mô hình, nhưng khó nhân rộng được ra các địa bàn lân cận, tác động của các mô hình được xây dựng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn thực hiện dự án bị hạn chế.

Năng lực của cơ quan chủ trì việc chuyển giao công nghệ bị hạn chế, chất lượng công nghệ được chuyển giao chưa được bảo đảm chắc chắn và thường thiếu vốn cho việc thực hiện dự án nên kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước vẫn là nguồn chính. Trong khi đó, năng lực bộ máy tại chỗ (địa bàn thực hiện dự án) còn yếu và thiếu, không có cơ chế rõ ràng trong điều hành và phối hợp; công tác đào tạo cán bộ (cán bộ điều hành, kỹ thuật viên) tiếp thu chuyển giao công nghệ chưa được chú ý đúng mức; việc chọn địa bàn, chọn hộ, chọn đối tượng công nghệ được chuyển giao thường không mang tính điển hình; không hình thành được thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Kinh phí xây dựng một số mô hình là cao so với khả năng đầu tư của địa phương. Vì vậy, khi dự án kết thúc nếu không có nguồn vốn nào khác hỗ trợ thì khả năng mở rộng dự án lại hạn chế. Tính bền vững của các mô hình, dự án chưa cao nên sức lan tỏa (tác động vào sản xuất kinh doanh) còn hạn chế, do đó đối tượng hưởng lợi mới chỉ giới hạn ở địa bàn thực hiện dự án. Bên cạnh đó, kinh phí sự nghiệp KH&CN Trung ương hỗ trợ còn thấp, quy mô triển khai còn hẹp, các nội dung triển khai chưa đồng bộ nên chưa phát huy hết hiệu quả của các dự án.

Kết quả và hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương, hiệu quả chủ yếu vẫn là hiệu quả xã hội do chưa có sự tham gia của các

doanh nghiệp vào quá trình chuyển giao công nghệ để nhân rộng thành quả cũng như để sản xuất kinh doanh các sản phẩm của dự án. Sự liên kết còn thiếu chặt chẽ giữa bốn nhà: nhà khoa học, nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà quản lý.

Chưa có sự phối hợp lồng ghép các chương trình dự án khác cùng triển khai trên một địa bàn. Chưa tập hợp lực lượng các đoàn thể quần chúng cùng tham gia xây dựng mô hình, dự án, yếu tố thị trường tác động vào dự án còn thiếu, do đó người dân chưa thấy các dự án sẽ mang lại lợi ích thiết thực đối với sản xuất hàng hóa thị trường cần để tăng thu nhập và cải thiện đời sống.

4. Một số kiến nghị

Kết quả của Chương trình Nông thôn miền núi thực sự triển khai có hiệu quả, tuy nhiên tỉnh Quảng Bình đang là tỉnh nghèo, ngân sách hàng năm được Trung ương cấp bù, chính vì vậy kinh phí địa phương chi ra thực hiện phần đối ứng của dự án rất khó khăn. Bên cạnh đó với địa bàn chủ yếu là nông thôn miền núi như ở Quảng Bình thì nhu cầu đầu tư các dự án nhằm chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát triển cho vùng nông thôn miền núi là rất lớn, vì vậy, tiếp tục thực hiện các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi là hết sức cần thiết.

Cần tăng cường hơn nữa công tác xã hội hóa hoạt động KH&CN, cùng với đầu tư của Nhà nước cần khuyến khích hoạt động KH&CN của các doanh nghiệp. Đổi mới cơ chế tài chính cho KH&CN, cần xem xét bổ sung dự toán kinh phí dự phòng để thuận lợi trong triển khai các nhiệm vụ KH&CN, kinh phí thuê chuyên gia để thu hút sự đóng góp nhiều hơn nữa của các nhà khoa học cho các vùng nông thôn, miền núi.

Lựa chọn tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, phương pháp chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, kết quả của dự án phải phù hợp với yêu cầu của sản xuất, với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội địa bàn áp dụng, với đòi hỏi của người

dân tại địa bàn sẽ mở rộng như lựa chọn những tiến bộ kỹ thuật và công nghệ có tính đột phá về năng suất, chất lượng, lợi nhuận và thu nhập cao cho người dân.

Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực để việc mở rộng kết quả dự án được bền vững nhằm mục đích đào tạo là nâng cao năng lực cho người dân như: đào tạo tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức gắn liền với rèn luyện kỹ năng cho người dân; đào tạo cho cán bộ cơ sở: về kỹ thuật, về kỹ năng (phương pháp khuyến nông, phương pháp quản lý câu lạc bộ); đào tạo nông dân giỏi để họ làm cầu nối tiếp sức từ nông dân đến nông dân.

Có cơ chế, chính sách khuyến khích áp dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, kết quả của dự án như cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng, phát triển KH&CN; cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản nông sản; cơ chế, chính sách kích cầu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Mạnh dạn đầu tư cho các doanh nghiệp áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Lồng ghép các chương trình trên cùng địa bàn nhằm tăng hiệu quả các dự án đầu tư, tránh trùng lặp, hạn chế lãng phí kinh phí của Nhà nước.

Trong thời gian tới, đề nghị Bộ KH&CN quan tâm đầu tư cho tỉnh nhiều dự án thuộc Chương trình, tăng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để đẩy nhanh quá trình ứng dụng, chuyển giao KH&CN cho vùng nông thôn miền núi nhằm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Có như vậy việc tổ chức quản lý, triển khai thực hiện sẽ đảm bảo tính ổn định, thực hiện được các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn lâu dài, bền vững và hiệu quả cao, góp phần thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới ■